

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý IV năm 2016**

Hà Nội - Tháng 01 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.611.044.082.037</b>	<b>1.339.388.682.418</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>31.836.660.657</b>	<b>416.449.029.291</b>
1. Tiền	111	5.1	31.836.660.657	416.449.029.291
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>551.218.566.491</b>	<b>67.110.227.391</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		67.218.566.491	64.601.221.391
2. DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		484.000.000.000	2.509.006.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.937.218.315.449</b>	<b>712.662.027.259</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	187.998.766.701	344.059.027.580
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.292.865.518.899	270.101.786.092
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5.000.000.000	7.700.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	452.662.261.908	91.149.011.334
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.308.232.059)	(347.797.747)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>72.309.542.034</b>	<b>124.301.767.143</b>
1. Hàng tồn kho	141		72.309.542.034	124.301.767.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.460.997.406</b>	<b>18.865.631.334</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	403.442.549	477.860.625
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.328.506.915	18.253.094.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		178.144.030	134.676.056
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.550.903.912	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>940.590.529.171</b>	<b>761.589.240.949</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>34.969.796.006</b>	<b>36.908.681.864</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		4.969.796.006	6.908.681.864
6. Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000.000	30.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>251.118.864.055</b>	<b>326.647.673.075</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	222.399.540.200	326.526.996.692
- Nguyên giá	222		422.445.106.956	531.178.040.341
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(200.045.566.756)	(204.651.043.649)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	28.719.323.855	120.676.383
- Nguyên giá	228		29.513.115.581	860.769.126
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(793.791.726)	(740.092.743)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>23.925.555.220</b>	<b>1.958.105.876</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23.925.555.220	1.958.105.876
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>497.292.261.602</b>	<b>383.811.749.592</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		273.778.600.472	255.579.885.592
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		223.913.536.800	128.231.864.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(399.875.670)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>133.284.052.288</b>	<b>12.263.030.542</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	4.490.921.603	6.647.991.333
4. Tài sản dài hạn khác	268		124.640.570.516	-
5. Lợi thế thương mại	269		4.152.560.169	5.615.039.209
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>3.551.634.611.208</b>	<b>2.100.977.923.367</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>727.814.529.411</b>	<b>1.103.558.860.476</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>623.540.304.733</b>	<b>867.830.549.115</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	97.896.324.327	80.404.696.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.664.792.782	25.483.504.696
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	14.631.932.066	19.572.156.332
4. Phải trả người lao động	314		8.846.797.791	6.366.227.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	2.972.855.917	12.906.992.842
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		113.551.065	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	397.004.965.319	331.972.869.741
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	76.045.213.200	390.747.465.133
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		363.872.266	376.636.349
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>104.274.224.678</b>	<b>235.728.311.361</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		6.084.765.583	16.197.670.706
7. Phải trả dài hạn khác	337		51.000.000	5.745.024.396
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		97.369.074.609	213.603.305.259
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		595.993.486	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			8.920.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		173.391.000	173.391.000
<b>D. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>2.823.820.081.797</b>	<b>997.419.062.891</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.819.320.481.797</b>	<b>997.419.062.891</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.14	2.500.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		245.042.505.974	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.196.401.452	683.081.038
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		247.043.095	221.299.709
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.14	23.678.510.212	101.951.485.611
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		96.459.165.823	47.051.431.269
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(72.780.655.611)	54.900.054.342
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		49.156.021.064	146.563.196.533
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.499.600.000</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		4.499.600.000	
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.551.634.611.208</b>	<b>2.100.977.923.367</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**


Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Tài sản nhận giữ hộ		-	-
3. Ngoại tệ các loại USD		19.840,85	-
4. Kim khí quý, đá quý		-	-
5. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017

**TẠ VĂN QUYÊN**  
Chủ tịch HĐQT  
**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng  
**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý IV năm 2016

**MẪU B 02-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
<b>1.Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ</b>	01	<b>6.1</b>	<b>501.712.843.063</b>	<b>507.272.085.876</b>	<b>1.850.617.421.660</b>	<b>2.109.286.422.692</b>
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.639.861.906	373.793.050	1.689.615.971	362.794.250
<b>3.Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ(10 = 01 - 02)</b>	10		<b>500.072.981.157</b>	<b>506.898.292.826</b>	<b>1.848.927.805.689</b>	<b>2.108.923.628.442</b>
4.Giá vốn hàng bán	11	<b>6.2</b>	480.187.746.556	480.902.381.486	1.770.454.910.410	2.045.921.740.476
<b>5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20 = 10 - 11)</b>	20		<b>19.885.234.601</b>	<b>25.995.911.340</b>	<b>78.472.895.279</b>	<b>63.001.887.966</b>
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>6.3</b>	9.984.625.389	6.357.430.717	30.354.760.193	34.982.458.850
7.Chi phí hoạt động tài chính	22	<b>6.4</b>	13.092.491.519	11.912.193.836	30.234.899.350	15.903.090.611
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.288.495.203	12.304.407.416	22.917.590.230	14.922.773.127
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.661.644.999	3.321.797.509	7.971.041.615	5.551.142.033
9.Chi phí bán hàng	25	<b>6.7</b>	6.989.874.374	3.836.129.402	19.314.676.799	8.754.269.942
10.Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	<b>6.7</b>	11.312.950.904	3.844.425.800	51.426.740.026	15.013.509.462
<b>11.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	30		<b>2.136.188.191</b>	<b>16.082.390.528</b>	<b>15.822.380.911</b>	<b>63.864.618.834</b>
12.Thu nhập khác	31	<b>6.5</b>	10.480.340.347	1.747.227.043	14.545.328.609	14.576.547.253
13.Chi phí khác	32	<b>6.6</b>	5.112.041.455	4.349.125.527	9.821.872.511	10.349.108.386
<b>14.Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>5.368.298.892</b>	<b>(2.601.898.484)</b>	<b>4.723.456.098</b>	<b>4.227.438.867</b>
<b>15.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)</b>	50		<b>7.504.487.083</b>	<b>13.480.492.044</b>	<b>20.545.837.009</b>	<b>68.092.057.701</b>
16.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>6.9</b>	656.432.270	(260.445.116)	4.278.217.161	10.734.040.569
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(1.025.953.804)		595.993.486	
<b>18.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		<b>7.874.008.617</b>	<b>13.740.937.160</b>	<b>15.671.626.362</b>	<b>57.358.017.132</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7.180.306.660	13.236.034.799	15.263.905.438	54.900.054.342
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		693.701.957	504.902.361	407.720.924	2.457.962.790
<b>21.Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	<b>6.10</b>	<b>36</b>	<b>177</b>	<b>97</b>	<b>734</b>

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THU HUYỀN**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)**

**MẪU B 03-DN/HN**

Quý IV năm 2016

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.545.837.009	68.092.057.701
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	21.716.258.928	21.781.587.151
- Các khoản dự phòng	03	951.514.312	(518.772.258)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	04		(1.161.469)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(34.104.834.421)	(44.578.882.117)
- Chi phí lãi vay	06	22.917.590.230	14.922.773.127
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	32.026.366.059	59.697.602.135
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(724.061.626.411)	(251.061.634.094)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	51.992.225.109	(9.326.742.044)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	15.887.969.797	(43.878.909.928)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.231.487.806	2.531.714.420
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(2.617.345.100)	(54.852.620.386)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.378.039.142)	(10.325.923.200)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.100.933.743)	(17.079.790.569)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ H động kinh doanh	20	(646.019.895.626)	(324.296.303.666)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(67.840.402.713)	(35.370.542.600)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		11.030.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(481.490.994.000)	(25.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.700.000.000	57.192.100.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(788.614.698.793)	(81.633.612.949)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15.000.000.000	260.701.833.184
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.547.599.107	2.576.655.601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.304.698.496.400)	188.797.342.327
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.997.042.505.974	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	515.711.801.809	924.170.564.981
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(946.648.284.392)	(383.673.485.595)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.566.106.023.391	540.497.079.386
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	(384.612.368.634)	404.998.118.047
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	416.449.029.291	11.452.072.713
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.161.469)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.836.660.657	416.449.029.291

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**  
Người lập biểu

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MẪU B 09-DN/HN**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần GTNFOODS (gọi tắt là “Công ty”).

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần GTNFOODS tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được đổi tên từ “Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt” thành “Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất” và đến ngày 02/06/2016 được đổi tên thành “Công ty Cổ phần GTNFOODS”, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 0105334948 vào ngày 17 tháng 11 năm 2016.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất

**Ngành, nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa...

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

#### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Chủ tịch HĐQT có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

#### 9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### 11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

#### 13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

#### 14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	2.376.079.720	1.546.666.291
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.460.580.937	414.902.363.000
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>31.836.660.657</u></b>	<b><u>416.449.029.291</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2.1 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	67.218.566.491	81.197.121.600	-	64.601.221.391	69.600.000.000	-
Tổng Công ty cổ phần chăn nuôi Việt Nam – CTCP	67.218.566.491	81.197.121.600	-	64.601.221.391	69.600.000.000	-
Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, TP:	-	-	-	-	-	-
+ Về số lượng	-	-	-	-	-	-
+ Về giá trị	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>67.218.566.491</b>	<b>81.197.121.600</b>	<b>-</b>	<b>64.601.221.391</b>	<b>69.600.000.000</b>	<b>-</b>

##### 2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	484.000.000.000	484.000.000.000	-	2.509.006.000	2.509.006.000	-
Dài hạn	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>484.000.000.000</b>	<b>484.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.509.006.000</b>	<b>2.509.006.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>273.778.600.472</b>	<b>340.724.302.348</b>	<b>-</b>	<b>255.579.885.592</b>	<b>332.670.398.583</b>	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	65.522.255.787	149.990.095.500	-	65.522.255.787	152.163.865.000	-
Công ty CP ĐTSX và KD GB-TEA			-	29.000.000.000	29.000.000.000	-
Công ty chè Phú đa	143.044.800.000	143.044.800.000	-	143.044.800.000	143.044.800.000	-
Công ty cổ phần chè Trần Phú	3.242.731.000	3.242.731.000	-	3.242.731.000	3.242.731.000	-
Công ty cổ phần chè Kim anh	3.024.375.848	3.024.375.848	-	3.024.375.848	3.024.375.848	-
Công ty CP chè Thái nguyên				177.000.000	177.000.000	-
Công ty CP xây lắp vật tư kỹ thuật				1.512.953.935	1.512.953.935	-
Công ty cổ phần chè Hà tĩnh				364.672.800	364.672.800	-
Công ty CPKD Thái Bình Dương				140.000.000	140.000.000	-
Công ty CP Lâm Nghiệp Sài Gòn	41.422.300.000	41.422.300.000				
Lãi (lỗ) trong liên doanh, liên kết	17.522.137.837			9.551.096.222		

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>223.913.536.800</b>	<b>223.913.536.800</b>		<b>128.231.864.000</b>	<b>128.231.864.000</b>	
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	79.500.000.000	-	79.500.000.000	79.500.000.000	-
Công ty CP NLN Châu Giang	18.000.000.000	18.000.000.000	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Công ty CP Granite Phú Yên	30.600.000.000	30.600.000.000	-	30.600.000.000	30.600.000.000	-
Công ty CP Năng Lượng Thống Nhất	95.000.000.000	95.000.000.000	-			
Công ty CP chè Thái nguyên	177.000.000	177.000.000	-			
Công ty cổ phần chè Hà tĩnh	364.672.800	364.672.800				
Công ty CPKD Thái Bình Dương	140.000.000	140.000.000				
Vườn Quốc Gia Ba Vì	79.580.000	79.580.000				
Các khoản đầu tư khác	52.284.000	52.284.000	-	131.864.000	131.864.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>497.692.137.272</b>	<b>564.637.839.148</b>	-	<b>383.811.749.592</b>	<b>460.902.262.583</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. Phải thu của khách hàng**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	187.998.766.701	344.059.027.580
Phải thu của khách hàng dài hạn	4.969.796.006	6.908.681.864
<b>Cộng</b>	<b><u>192.968.562.707</u></b>	<b><u>350.967.709.444</u></b>

**4. Phải thu khác**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>452.662.261.908</b>	<b>91.149.011.334</b>
Phải thu về cổ phần hoá	310.279.594.036	-
PT về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.334.576.157	8.573.805.258
Phải thu tiền bán cổ phần	15.000.000.000	31.920.000.000
Phải thu tiền ủy thác đầu tư	-	-
Ký cược, ký quỹ	9.248.045.603	14.712.661.331
Tạm ứng	28.238.148.146	20.234.511.103
Phải thu khác	85.561.897.966	15.708.033.642
<b>Dài hạn</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>482.662.261.908</u></b>	<b><u>121.149.011.334</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				
Nguyên liệu, vật liệu	23.383.375.249		19.699.736.990	-
Công cụ, dụng cụ	2.674.051.517		3.402.750.952	-
Chi phí SX, KD dở dang	7.765.726.114		67.100.419.873	-
Thành phẩm	25.477.621.875		27.273.558.915	-
Hàng hóa	13.008.767.279		6.825.300.413	-
<b>Cộng</b>	<b><u>72.309.542.034</u></b>		<b><u>124.301.767.143</u></b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>403.442.549</b>	<b>477.860.625</b>
Chi phí trả trước về bảo hiểm	38.764.786	-
Công cụ, dụng cụ phân bổ	2.034.132	326.865.711
Chi phí đi vay	-	-
Các khoản khác	362.643.631	150.994.914
<b>Dài hạn</b>	<b>4.490.921.603</b>	<b>6.647.991.333</b>
Chi phí nội thất văn phòng làm việc	98.271.412	1.896.496.819
Tiền thuê đất	458.058.152	-
Công cụ, dụng cụ phân bổ	1.983.599.281	106.670.173
Các khoản khác	1.950.992.758	4.644.824.341

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	289.162.075.348	203.386.669.955	19.768.394.961	2.370.136.399	16.490.763.678	531.178.040.341
Tăng trong kỳ	4.761.349.252	11.751.004.025	1.294.545.454	30.818.182	-	17.837.716.913
Giảm trong kỳ	73.297.781.393	50.761.173.772	1.365.795.485	507.980.718	637.918.930	126.570.650.298
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>220.646.300.239</b>	<b>164.355.843.178</b>	<b>20.227.996.205</b>	<b>2.025.617.997</b>	<b>15.189.349.338</b>	<b>422.445.106.956</b>
<b>Giá trị mòn lũy kế</b>						
Số đầu kỳ	117.170.678.815	64.349.840.742	9.591.532.666	1.238.693.794	12.300.297.633	204.651.043.649
Tăng trong kỳ	9.677.715.028	9.202.519.780	2.221.169.500	206.747.729	562.964.688	21.871.116.725
Khấu hao trong kỳ	9.452.627.050	8.976.109.669	2.221.169.500	206.747.729	562.964.688	21.419.618.636
Tăng khác	225.087.978	226.410.111				451.498.089
Giảm trong kỳ	8.526.076.759	16.279.568.052	962.932.638	295.711.461	412.304.709	26.476.593.619
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>118.322.317.084</b>	<b>57.272.792.470</b>	<b>10.849.769.528</b>	<b>1.149.730.062</b>	<b>12.450.957.612</b>	<b>200.045.566.756</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	171.991.396.533	139.036.829.213	10.176.862.295	1.131.442.605	4.190.466.045	326.526.996.691
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>102.303.326.123</b>	<b>107.103.707.738</b>	<b>8.847.375.402</b>	<b>743.243.801</b>	<b>3.401.887.136</b>	<b>222.399.540.200</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ		860.769.126	860.769.126
Tăng trong kỳ	28.297.646.455	354.700.000	28.652.346.455
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.297.646.455</b>	<b>1.215.469.126</b>	<b>29.513.115.581</b>
<b>Giá trị mòn lũy kế</b>			
Số đầu kỳ	-	740.092.743	740.092.743
Tăng trong kỳ	-	53.698.983	53.698.983
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	53.698.983	53.698.983
<i>Tăng do hợp nhất</i>	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>793.791.726</b>	<b>793.791.726</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	-	120.676.383	120.676.383
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.297.646.455</b>	<b>421.677.400</b>	<b>28.719.323.855</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. Vay và nợ thuê tài chính****9.1 Vay ngắn hạn và dài hạn**

	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	76.045.213.200	76.045.213.200	215.711.801.809	530.414.053.742	390.747.465.133	390.747.465.133
Vay dài hạn	97.369.074.609	97.369.074.609	300.000.000.000	416.234.230.650	213.603.305.259	213.603.305.259
<b>Cộng</b>	<b>173.414.287.809</b>	<b>604.350.770.392</b>	<b>515.711.801.809</b>	<b>946.648.284.392</b>	<b>604.350.770.392</b>	<b>604.350.770.392</b>

**9.2 Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Vay ngắn hạn từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-	-	-
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9.3 Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Lý do chưa thanh toán	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. Phải trả người bán**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	97.896.324.327	80.404.696.898
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<u>97.896.324.327</u>	<u>80.404.696.898</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
<b>Cộng</b>		
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>		

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Thuế giá trị gia tăng	7.200.931.683	8.171.002.493
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.244.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.695.234.472	9.517.951.054
Thuế thu nhập cá nhân	541.854.020	39.796.447
Thuế tài nguyên	2.203.248	3.869.858
Thuế nhà đất và tài nguyên đất	1.918.663.800	
Các loại thuế khác	1.273.044.843	1.829.292.323
<b>Cộng</b>	<u>14.631.932.066</u>	<u>19.572.156.332</u>

**12. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<u>2.972.855.917</u>	<u>12.906.992.842</u>
Chi phí đi vay	2.972.855.917	12.767.376.923
Các khoản khác	-	139.615.919
<b>Dài hạn</b>	<u>-</u>	<u>-</u>
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Các khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<u>2.972.855.917</u>	<u>12.906.992.842</u>

**13. Phải trả khác**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<u>397.004.965.319</u>	<u>331.972.869.741</u>
Kinh phí công đoàn	247.660.808	24.017.617
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	277.488.601	19.407.100
Phải trả về cổ phần hóa và phải trả khác tại TCT Chè	290.513.483.497	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.966.332.413	331.929.445.024
<b>Dài hạn</b>	<u>51.000.000</u>	<u>5.745.024.396</u>
<b>Cộng</b>	<u>397.055.965.319</u>	<u>337.717.894.137</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**14. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>680.000.000.000</b>	-	-	-	<b>115.156.907.337</b>	<b>795.156.907.337</b>
<b>Tăng trong năm</b>		-				
Tăng vốn trong năm	68.000.000.000	-	-	-	-	68.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	54.900.054.342	54.900.054.342
Lợi nhuận trong năm		-				
Tăng khác do hợp nhất		-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
Giảm do hợp nhất	-	-	683.081.038	221.299.709	(105.476.068)	798.904.679
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>748.000.000.000</b>	-	<b>683.081.038</b>	<b>221.299.709</b>	<b>101.951.485.611</b>	<b>850.855.866.358</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>1.752.000.000.000</b>	<b>245.042.505.974</b>	<b>513.320.414</b>	<b>25.743.386</b>	<b>15.263.905.438</b>	<b>2.012.845.475.212</b>
Tăng vốn trong kỳ	1.752.000.000.000	245.042.505.974			-	1.997.042.505.974
Lợi nhuận trong kỳ					15.263.905.438	15.263.905.438
Tăng do hợp nhất						
Tăng khác			513.320.414	25.743.386		539.063.800
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	<b>(93.536.880.837)</b>	<b>(93.536.880.837)</b>
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	(93.536.880.837)	(93.536.880.837)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>245.042.505.974</b>	<b>1.196.401.452</b>	<b>247.043.095</b>	<b>23.678.510.212</b>	<b>2.770.164.460.733</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	250.000.000	74.800.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	250.000.000	74.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>250.000.000</i>	<i>74.800.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000	74.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>250.000.000</i>	<i>74.800.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>501.712.843.063</b>	<b>507.272.085.876</b>	<b>1.850.617.421.660</b>	<b>2.109.286.422.692</b>
Doanh thu bán hàng	501.712.843.063	504.272.085.876	1.850.617.421.660	2.059.458.267.898
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	49.730.887.099
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	3.000.000.000	-	97.267.695
<b>Các khoản giảm trừ DT</b>	<b>1.682.401.906</b>	<b>373.793.050</b>	<b>1.689.615.971</b>	<b>362.794.250</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hàng bán	480.187.746.556	477.915.118.336	1.770.454.910.410	1.996.099.522.882
Giá vốn dịch vụ	-	-	-	91.330.495
Giá vốn xây dựng	-	2.987.263.150	-	49.730.887.099
<b>Cộng</b>	<b>480.187.746.556</b>	<b>480.902.381.486</b>	<b>1.770.454.910.410</b>	<b>2.045.921.740.476</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.729.465.028	267.508.496	12.533.668.476	2.215.222.406
Lãi bán các khoản đầu tư		5.304.675.199	14.000.000.000	27.769.695.624
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.016.000.000	400.360.000	3.016.000.000	400.360.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	48.700.353	2.425.593	49.005.750	2.425.539
Lãi BH trả chậm, CK thanh toán			687.416.160	457.456.281
Doanh thu tài chính khác	190.460.008	382.461.429	68.669.807	4.137.299.000
<b>Cộng</b>	<b>9.984.625.389</b>	<b>6.357.430.717</b>	<b>30.354.760.193</b>	<b>34.982.458.850</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4. Chi phí tài chính**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	5.308.013.926	11.673.450.091	22.318.882.908	14.922.773.127
Lỗ bán các khoản đầu tư	-	-	-	1.424.694.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá	71.701.718	80.805.240	209.781.208	169.762.809
Chi phí tài chính khác	11.622.007.905	167.684.957	7.808.901.901	252.430.109
Dự phòng giảm giá chứng khoáng KD và tổn thất đầu tư	(187.618.393)		2.979.967.431	(866.570.005)
Các khoản giảm chi phí tài chính	(3.721.613.637)	(9.746.452)	(3.082.634.098)	
<b>Cộng</b>	<b>13.092.491.519</b>	<b>11.912.193.836</b>	<b>30.234.899.350</b>	<b>15.903.090.611</b>

**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	6.989.874.374	3.836.129.402	19.314.676.799	8.754.269.942
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	11.312.950.904	3.844.425.800	51.426.740.026	15.013.509.462
<b>Cộng</b>	<b>18.302.825.278</b>	<b>7.680.555.202</b>	<b>70.741.416.825</b>	<b>23.767.779.404</b>

**6. Thu nhập khác**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	125.693.200	87.131.818	125.693.200	6.184.499.264
Lãi do đánh giá lại tài sản				
Tiền phạt thu được				
Thuế được giảm				
Các khoản khác	10.354.647.147	1.660.095.225	14.419.635.409	8.392.047.989
<b>Cộng</b>	<b>10.480.340.347</b>	<b>1.747.227.043</b>	<b>14.545.328.609</b>	<b>14.576.547.253</b>

**7. Chi phí khác**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	125.693.200	367.959.500	125.693.200	3.010.843.845
Lỗ do đánh giá lại tài sản				
Các khoản bị phạt	728.141.524		784.194.986	2.408.622.465
Các khoản khác	4.258.206.731	3.981.166.027	8.911.984.325	4.929.642.076
<b>Cộng</b>	<b>5.112.041.455</b>	<b>4.349.125.527</b>	<b>9.821.872.511</b>	<b>10.349.108.386</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	656.432.270	(260.445.116)	4.278.217.161
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>656.432.270</b>	<b>(260.445.116)</b>	<b>4.278.217.161</b>	<b>10.734.040.569</b>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
	Lợi nhuận kế toán sau thuế	7.180.306.660	13.236.034.799	15.263.905.438
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông				
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.180.306.660	13.236.034.799	15.263.905.438	54.900.054.342
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	198.351.648	74.800.000	157.129.670	74.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>36</b>	<b>177</b>	<b>97</b>	<b>734</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin các bên liên quan****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

*Các bên liên quan trong kỳ tài chính với Công ty bao gồm:*

**Các bên liên quan**

Công ty cổ phần Nhựa Miền Trung  
 Công ty cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu  
 Công ty TNHH hàng tiêu dùng GTNFOODS  
 Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty CP  
 Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng  
 Công ty cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

**Mối quan hệ**

Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

#### **2. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

##### ***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: nông sản, phân bón, sản phẩm chè, sản phẩm nhựa. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này



**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Nông Sản</b>	<b>Phân bón</b>	<b>Sản phẩm Chè</b>	<b>Sản phẩm Nhựa</b>	<b>Mặt hàng khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	<b>722.786.173.962</b>	<b>498.752.380.150</b>	<b>384.643.280.330</b>	<b>126.905.774.084</b>	<b>115.840.197.163</b>	<b>1.848.927.805.689</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ	(703.901.793.009)	(498.178.915.461)	(345.325.029.792)	(113.286.440.731)	(109.762.731.417)	(1.770.454.910.410)
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>18.884.380.953</b>	<b>573.464.689</b>	<b>39.318.250.538</b>	<b>13.619.333.353</b>	<b>6.077.465.746</b>	<b>78.472.895.279</b>
Chi phí không phân bổ						(70.741.416.825)
Doanh thu tài chính						30.354.760.193
Chi phí tài chính						(30.234.899.350)
Thu nhập khác						14.545.328.609
Chi phí khác						(9.821.872.511)
Phần lãi (lỗ) trong Cty liên doanh liên kết						7.971.041.615
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>						<b>20.545.837.009</b>
Chi phí thuế						4.874.210.647
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>						<b>15.671.626.362</b>
<b>TÀI SẢN</b>						
Tài sản bộ phận	10.367.429.115	39.770.215.622	80.445.462.908	39.564.215.335	17.851.443.721	187.998.766.701
Tài sản không phân bổ						3.363.635.844.507
<b>Tổng tài sản</b>						<b>3.551.634.611.208</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
Nợ phải trả bộ phận			56.496.780.935	8.057.739.094	33.341.804.298	97.896.324.327
Nợ phải trả không phân bổ						629.918.205.084
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>727.814.529.411</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### **Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội

### **3. Công cụ tài chính**

#### **Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### **Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

#### **Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị số sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.836.660.657	416.449.029.291
Đầu tư ngắn hạn	556.218.566.491	74.810.227.391
Đầu tư dài hạn	527.292.261.602	413.811.749.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	645.630.824.615	442.116.720.778
<b>Cộng</b>	<b>1.760.978.313.365</b>	<b>1.347.187.727.052</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	173.414.287.809	604.350.770.392
Phải trả người bán và phải trả khác	494.952.289.646	418.122.591.035
Chi phí phải trả	2.972.855.917	12.906.992.842
<b>Cộng</b>	<b>671.339.433.372</b>	<b>1.035.380.354.269</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### **Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### **Quản lý rủi ro về giá của cổ phiếu**

Rủi ro về giá của cổ phiếu là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### ***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Chủ tịch HĐQT của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư,.. Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng...).

#### **Phải thu khách hàng**

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng): chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản: Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai khác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành. Công ty tin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

#### **Các khoản cho vay ngắn hạn**

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10,5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### ***Rủi ro thanh khoản***

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**Nợ phải trả tài chính**

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	76.045.213.200	97.369.074.609	173.414.287.809
Phải trả người bán và phải trả khác	494.901.289.646		494.901.289.646
Chi phí trả trước	2.972.855.917		2.972.855.917
<b>Cộng</b>	<b>573.919.358.763</b>	<b>97.369.074.609</b>	<b>671.288.433.372</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Các khoản vay	390.747.465.133	213.603.305.259	604.350.770.392
Phải trả người bán và phải trả khác	412.377.566.639	5.745.024.396	418.122.591.035
Chi phí phải trả	12.906.992.842	-	12.906.992.842
<b>Cộng</b>	<b>816.032.024.614</b>	<b>219.348.329.655</b>	<b>1.035.380.354.269</b>

**Tài sản tài chính**

<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.836.660.657		31.836.660.657
Đầu tư ngắn hạn	556.218.566.491		556.218.566.491
Đầu tư dài hạn		527.292.261.602	527.292.261.602
Phải thu khách hàng và phải thu khác	640.661.028.609	4.969.796.006	645.630.824.615
<b>Cộng</b>	<b>1.228.716.255.757</b>	<b>532.262.057.608</b>	<b>1.760.978.313.365</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	416.449.029.291		416.449.029.291
Đầu tư ngắn hạn	74.810.227.391		74.810.227.391
Đầu tư dài hạn	-	413.811.749.592	413.811.749.592
Phải thu khách hàng, phải thu khác	435.208.038.914	6.908.681.864	442.116.720.778
<b>Cộng</b>	<b>926.467.295.596</b>	<b>420.720.431.456</b>	<b>1.347.187.727.052</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Chủ tịch HĐQT đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Chủ tịch HĐQT tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**4. Thông tin so sánh**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017



**TẠ VĂN QUYÊN**  
Chủ tịch HĐQT

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**  
Người lập biểu